

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT
KẾT LUẬN SỐ 12-KL/TW NGÀY 12/8/2021 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ
CÔNG TÁC NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

1. Tình hình cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN)

Cộng đồng NVNONN ngày càng lớn mạnh về số lượng và mở rộng hơn về địa bàn. Từ 4,5 triệu người ở 109 quốc gia và vùng lãnh thổ năm 2015, đến nay có khoảng 5,3 triệu người sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ. Đại bộ phận đồng bào đã có địa vị pháp lý, ổn định cuộc sống và hội nhập sâu rộng vào xã hội sở tại. NVNONN ngày càng gắn bó với quê hương, các hội đoàn tiếp tục được củng cố và phát triển, góp phần tăng cường đoàn kết trong cộng đồng, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, là cầu nối hữu nghị giữa Việt Nam với các nước. Niềm tin của cộng đồng vào sự phát triển của đất nước ngày càng được củng cố và nâng cao. Những đóng góp của NVNONN trong đầu tư, thương mại, chuyên gia tri thức, công nghệ, kiều hối, từ thiện, nhân đạo... là nguồn lực quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, cuộc sống của một bộ phận bà con tại một số địa bàn còn khó khăn, địa vị pháp lý chưa vững chắc; tình trạng vi phạm pháp luật của người Việt Nam tại một số địa bàn có xu hướng tăng về số lượng cũng như tính chất nghiêm trọng; một bộ phận nhỏ đồng bào còn định kiến về một số vấn đề của đất nước, cá biệt một số người còn có những hành động không phù hợp với lợi ích quốc gia – dân tộc.

2. Các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị và một số chính sách, quy định pháp luật về công tác NVNONN

Công tác NVNONN luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc và chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Về tổ chức bộ máy, ngày 23/11/1959, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 416/TTg thành lập Ban Việt kiều Trung ương (tiền thân của Ủy ban Nhà nước về NVNONN). Đây là lần đầu tiên một tổ chức chuyên trách của Chính phủ được thành lập để vận động, hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi của bà con ta sinh sống ở nước ngoài, giúp Chính phủ theo dõi công tác về NVNONN. Để công tác NVNONN gắn chặt hơn với các hoạt động đối ngoại, ngày 6/11/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 77-CP đặt Ủy ban về NVNONN trực thuộc Bộ Ngoại giao.

2.1. Về hệ thống các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị trong công tác NVNONN, trước Kết luận số 12-KL/TW, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết/Chỉ thị sau:

- *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 29/11/1993 của Bộ Chính trị về chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài (Nghị quyết 08):* Đây là Nghị quyết đầu tiên của Bộ Chính trị trong lĩnh vực này, tạo sự chuyển biến sâu sắc về

nhận thức trong toàn Đảng, các cấp, các ngành và địa phương về công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Những quan điểm cơ bản của Nghị quyết khẳng định:

- + NVNONN là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.
- + Chính sách đại đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc Việt Nam. Cơ sở của sự đoàn kết, hòa hợp là ý thức dân tộc và lòng yêu nước của mọi người Việt Nam hướng vào mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.
- + Tiềm lực của cộng đồng NVNONN... là một lợi thế và một nguồn lực quan trọng cần phải phát huy và hỗ trợ cho sự phát triển của đất nước.
- + Công tác vận động NVNONN vừa thuộc chức năng quản lý nhà nước vừa là hoạt động mang tính quần chúng, không tách rời công tác vận động thân nhân của họ ở trong nước.

- *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài (Nghị quyết 36)*: Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 08, tình hình cộng đồng NVNONN đã có nhiều thay đổi mạnh mẽ theo hướng ngày càng gắn bó với quê hương, đất nước. Công tác NVNONN đã có nhiều chuyển biến tích cực với nhiều chính sách được ban hành và thực hiện nhằm tạo thuận lợi và bảo đảm lợi ích chính đáng của kiều bào. Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 08, đồng thời nhằm tạo bước chuyển mạnh mẽ hơn nữa trong công tác NVNONN, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 36. Đây là Nghị quyết công khai đầu tiên của Đảng về công tác này, có tầm quan trọng đặc biệt và ý nghĩa chiến lược lâu dài, nêu bật tư duy đổi mới về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Nghị quyết được phổ biến rộng rãi, là kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành, địa phương, đồng bào ở trong và ngoài nước về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới. Quan điểm chỉ đạo chính của Nghị quyết gồm:

- + Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần thể hiện đầy đủ truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc.
- + Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước.
- + Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần mang tính đồng bộ, kết hợp việc xây dựng cơ chế, chính sách với công tác vận động, kết hợp các hoạt động trong nước với các hoạt động ở nước ngoài.
- + Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân.

Đến nay, những quan điểm chỉ đạo trên của Nghị quyết 36 vẫn còn nguyên giá trị và phù hợp để triển khai những nhiệm vụ về công tác NVNONN được Đại hội Đảng XIII đề ra.

- *Chi thị số 45-CT/TW ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với NVNONN trong tình hình mới (Chi thị 45):* Sau 10 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết 36 đã tạo bước chuyển mạnh mẽ cả về tư duy và hành động của cả hệ thống chính trị. Mặc dù những thành tựu đạt được là rất quan trọng, nhưng quá trình triển khai Nghị quyết 36 cũng bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc. Nếu không kịp thời có biện pháp thống nhất, thích hợp để giải quyết dứt điểm, công tác NVNONN sẽ khó tạo được đột phá, không đạt được những kết quả đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, cũng như sự kỳ vọng của nhân dân trong nước và đồng bào ta ở nước ngoài. Do vậy, Bộ Chính trị đã ban hành Chi thị 45 nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 36 với một số điểm đáng chú ý sau:

+ Về công tác đại đoàn kết, bổ sung quan điểm: “Đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung”, “chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc”, đồng thời nhấn mạnh “Tiếp tục quan tâm, sớm có giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trên tinh thần cởi mở, chân thành, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. Kiên trì vận động, thuyết phục những người còn giữ định kiến, mặc cảm.”

+ Nhấn mạnh việc tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong vấn đề thể chế hóa các chủ trương, phương hướng và nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết 36 (sớm cấp lại quốc tịch cho những người có đủ điều kiện; tạo thuận lợi hơn nữa trong việc sở hữu nhà ở tại Việt Nam...), dạy và học tiếng Việt (sớm triển khai chương trình dạy tiếng Việt qua mạng phù hợp với từng địa bàn), thông tin đối ngoại (tranh thủ, phát huy các phương tiện truyền thông của cộng đồng; thông qua NVNONN, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền và vận động bạn bè quốc tế), hỗ trợ hội đoàn (nghiên cứu xây dựng chính sách, hỗ trợ các tổ chức hội đoàn, lực lượng nòng cốt trong cộng đồng; nghiên cứu thí điểm công nhận các chi hội NVNONN là thành viên của Mặt trận Tổ quốc VN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị VN, Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Hội Liên hiệp Thanh niên VN...).

2.2. Về một số chính sách, quy định pháp luật liên quan tới NVNONN

Kể từ năm 2004, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chi thị liên quan tới công tác NVNONN, trong đó gần đây nhất là Nghị quyết số 27/NQ-CP của Chính phủ ngày 05/4/2016 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2016 – 2020 (Nghị quyết 27). Nghị quyết 27 đã đề cập 09 nhiệm vụ và giải pháp nhằm cụ thể hóa

những nội dung trong Nghị quyết 36 và Chi thị 45. Bên cạnh đó, nhiều quy định pháp luật liên quan tới NVNONN trong các lĩnh vực cụ thể đã được ban hành.

- *Trong lĩnh vực quốc tịch*: Luật Quốc tịch Việt Nam sửa đổi 2014¹, Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch VN².

- *Trong lĩnh vực thu hút chuyên gia trí thức, kiều bào*: Luật số 29/2013/QH13 về Khoa học và Công nghệ³, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam⁴.

- *Trong lĩnh vực sở hữu nhà ở, đất ở tại VN*: Luật 34/2009/QH12 năm 2009 (Luật sửa đổi Điều 126 của Luật nhà ở và Điều 121 của Luật đất đai năm 2009)⁵, Luật đất đai 2013⁶, Luật nhà ở sửa đổi 2014⁷, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- *Trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh*: Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) và Luật Đầu tư (sửa đổi) năm 2014⁸.

¹ Điểm mới quan trọng của Luật là hủy bỏ quy định về thủ tục, thời hạn đăng ký giữ quốc tịch VN, theo đó NVNONN sẽ không mặc nhiên bị mất quốc tịch VN (QTVN) nếu không thực hiện việc đăng ký giữ quốc tịch, đồng thời quy định rõ NVNONN chưa mất QTVN mà không còn giấy tờ chứng minh quốc tịch có thể được xác định quốc tịch và cấp hộ chiếu nếu có nguyện vọng và đủ điều kiện. Như vậy, NVNONN nếu chưa mất quốc tịch VN thì có thể làm thủ tục để được cấp hộ chiếu VN trong khi vẫn giữ quốc tịch nước ngoài.

² Luật quốc tịch VN năm 2008 quy định "Người xin nhập, trở lại quốc tịch VN phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người thỏa mãn các điều kiện sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép". Nghị định 16 hướng dẫn đầy đủ và chi tiết về tiêu chí "trong trường hợp đặc biệt".

³ "Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam; được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ như các nhà khoa học, trí thức Việt Nam" và được hưởng ưu đãi các ưu đãi theo quy định của luật này." (Điều 24)

⁴ Nghị định bổ sung một số điểm cụ thể hóa, tạo thuận lợi hơn cho các nhà khoa học NVNONN về chính sách lương, tiếp cận thông tin, kinh phí hoạt động khoa học, quyền tham gia các chương trình, đề án đẩy mạnh hợp tác, thu hút NVNONN và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại VN

⁵ Mở rộng quyền sở hữu nhà, sử dụng đất cho người VN định cư ở nước ngoài; trong đó quy định người có quốc tịch VN được sở hữu nhà không hạn chế số lượng, được nhận quyền sử dụng đất ở không hạn chế số lượng trong dự án phát triển nhà ở (người gốc VN thuộc diện nhà đầu tư, nhà văn hóa – khoa học, người có công, người có kỹ năng đặc biệt, người kết hôn với công dân VN ở trong nước có quyền tương tự); người gốc VN không thuộc diện trên chỉ được sở hữu 1 nhà ở hoặc 1 căn hộ. Tất cả các đối tượng trên đều phải được phép cư trú ở VN từ 3 tháng trở lên.

⁶ Quy định người VN ở nước ngoài mà thuộc diện được sở hữu nhà ở tại VN thì sẽ được nhận chuyển quyền sử dụng đất ở thông qua việc mua, thuê mua, nhận thừa kế, nhận tặng cho nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở.

⁷ Nới rộng điều kiện cho thuê mua nhà đối với cá nhân là người VN định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân người nước ngoài. Theo đó, đối với người VN định cư ở nước ngoài được phép nhập cảnh vào Việt Nam là có quyền sở hữu nhà ở mà không bị hạn chế về số lượng và loại nhà ở được sở hữu.

⁸ Trong hai lĩnh vực này, hiện nay Luật không có quy định riêng biệt cho đối tượng doanh nghiệp/nhà đầu tư là NVNONN. Đối với doanh nghiệp/nhà đầu tư là NVNONN có quốc tịch VN thì áp dụng quy định như nhà đầu tư trong nước, còn doanh nghiệp/nhà đầu tư là NVNONN chỉ có quốc tịch nước ngoài thì áp dụng quy định như nhà đầu tư nước ngoài.

- Trong lĩnh vực cư trú, đi lại: Luật xuất nhập cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam 2019, Nghị định 82/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/9/2015 về miễn thị thực cho người VN định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người VN định cư ở nước ngoài hoặc của công dân VN⁹, Thông tư số 35/2014/TT-BCA của Bộ Công an về vấn đề hỏi hương về VN¹⁰.

3. Kết quả triển khai công tác NVNONN sau hơn 16 năm thực hiện Nghị quyết 36 và 05 năm thực hiện Chỉ thị 45

3.1. Về công tác tham mưu, kiến nghị, xây dựng chính sách liên quan đến NVNONN

Công tác trên được triển khai tương đối toàn diện. Nhiều chính sách, quy định pháp luật trong các lĩnh vực: quốc tịch, sở hữu nhà ở, xuất nhập cảnh, thu hút, trọng dụng cá nhân là NVNONN hoạt động khoa học công nghệ... đã được ban hành. Đến nay, đã hình thành hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến NVNONN tương đối đầy đủ. Các chính sách ngày càng tạo điều kiện thuận lợi cho NVNONN về nước làm việc, đầu tư, kinh doanh..., đồng thời tăng cường gắn kết kiều bào với quê hương.

3.2. Về công tác đại đoàn kết

Công tác đại đoàn kết, vận động NVNONN hướng về quê hương đã đạt được những bước đột phá quan trọng. Trong các chuyến đi công tác nước ngoài hoặc trong những dịp kiều bào về nước, Lãnh đạo Đảng và Nhà nước đều rất quan tâm, dành thời gian gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của cộng đồng NVNONN. Kiều bào được tạo điều kiện tham gia đóng góp ý kiến vào những vấn đề quan trọng của đất nước (04 trí thức NVNONN tại Pháp, Nhật Bản, Mỹ, Singapore tham gia Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng¹¹, 17 kiều bào được bầu làm Ủy viên UBTW MTTQVN khóa IX nhiệm kỳ 2019 – 2024). Các hoạt động thường niên do Ủy ban Nhà nước về NVNONN tổ chức như “Xuân Quê hương”, Đoàn kiều bào dự Giỗ Tổ Hùng Vương, thăm quân dân huyện đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1, Trại hè dành cho thanh niên, sinh viên kiều bào... thường xuyên được đổi mới về nội dung và hình thức, thu hút sự tham gia của đông đảo kiều bào. Với những nỗ lực trên, đồng bào ta ở nước ngoài ngày càng tin tưởng vào đường lối, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước. Nhiều kiều bào, kể cả những người trước đây từng có định kiến, đã có những bài viết và phát ngôn tích cực về tình hình đất nước, trực tiếp phản bác những luận điệu sai trái.

⁹ Thời hạn tạm trú của người nhập cảnh bằng giấy miễn thị thực tăng từ 90 ngày lên 6 tháng. Các trường hợp có nhu cầu ở VN trên 6 tháng nếu đủ điều kiện sẽ được xem xét, gia hạn tạm trú.

¹⁰ NVNĐCONN muốn về thường trú ở VN thì CQĐD cần làm thủ tục xác định quốc tịch VN và xác minh nhân thân của họ. Sau khi xác định đương sự đủ điều kiện được cấp hộ chiếu phổ thông thì CQĐD cấp hộ chiếu để họ về VN làm thủ tục đăng ký thường trú trực tiếp với cơ quan chức năng trong nước (công an cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW).

¹¹ PGS., TS. Trần Ngọc Anh (Mỹ), GS., TS. Nguyễn Đức Khương (Pháp), PGS., TS. Vũ Minh Khương (Singapore), GS., TS. Trần Văn Thọ (Nhật Bản).

3.3. Về việc hỗ trợ NVNONN có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống ở sở tại

Đây là vấn đề luôn được Lãnh đạo Đảng, Nhà nước quan tâm sâu sắc. Các cơ quan trong và ngoài nước cũng tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ NVNONN nâng cao địa vị pháp lý, ổn định cuộc sống và hội nhập vào xã hội sở tại.

Đặc biệt, khi đại dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới, mặc dù trong nước còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng và Nhà nước ta vẫn rất quan tâm đến đồng bào ta ở nước ngoài. Các cơ quan trong và ngoài nước đã phối hợp triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều biện pháp như tích cực vận động và phối hợp chặt chẽ với chính quyền sở tại hỗ trợ và tạo điều kiện để đồng bào ổn định cuộc sống; động viên kiều bào ta tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch của nước sở tại, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; tổ chức các chuyến bay đưa công dân bị mắc kẹt về nước an toàn; phân bổ kinh phí hỗ trợ của Nhà nước dành cho những kiều bào có hoàn cảnh khó khăn tại một số địa bàn; huy động các doanh nghiệp, địa phương trong nước và hỗ trợ được gần 01 triệu khẩu trang cùng nhiều vật phẩm y tế và nhu yếu phẩm cho cộng đồng người Việt tại hơn 20 quốc gia và vùng lãnh thổ; kiến nghị tiêm vắc-xin cho kiều bào đang sinh sống hoặc tạm trú ở trong nước...

Các cơ quan trong và ngoài nước cũng chú trọng tăng cường hợp tác với cơ quan an ninh của nước bạn nhằm ngăn chặn tình trạng vi phạm luật pháp sở tại của NVNONN, đồng thời chú trọng công tác bảo hộ công dân, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

3.4. Về việc phát huy nguồn lực của NVNONN

Công tác thu hút nguồn lực của NVNONN đóng góp cho sự phát triển của đất nước ngày càng được chú trọng. Các cơ quan trong và ngoài nước đã phối hợp tổ chức thành công nhiều hội thảo, hội nghị, diễn đàn doanh nghiệp, thành lập mạng lưới liên kết trí thức, doanh nhân NVNONN, thành lập các cơ chế để NVNONN tham gia đóng góp ý kiến vào những vấn đề lớn của đất nước; hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc cho kiều bào khi về nước đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học; triển khai huy động NVNONN tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài. Những nỗ lực trên đã khích lệ, động viên kiều bào có nhiều đóng góp thiết thực, hướng về quê hương.

Đến hết năm 2020, có 362 dự án đầu tư của kiều bào đang hoạt động tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký 1,6 tỷ USD. Bên cạnh đó, có hàng nghìn doanh nghiệp có vốn góp của kiều bào. Tổng kiều hối từ 2015 - 2020 đạt 88,6 tỷ USD. Nhiều sáng kiến tập hợp, kết nối chuyên gia, trí thức người Việt tại các địa bàn đóng góp cho những vấn đề phát triển đất nước được đề xuất và triển khai như Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam... Nhiều tổ chức của các chuyên gia, trí thức NVNONN đã được thành lập tại Pháp, Thụy Sĩ, Nga, Nhật Bản, Singapore... như: Tổ chức Khoa học và Chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global), Hội Gặp gỡ

VN, Nhóm sáng kiến Việt Nam, Nhóm hành trình VN, Viện hàn lâm trẻ VN, Mạng lưới học thuật người VN tại Nhật... Ngày càng có nhiều nhà khoa học, doanh nhân, các văn nghệ sỹ, vận động viên kiều bào về nước sinh sống, làm việc, đầu tư, kinh doanh, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao...¹² Kiều bào cũng tích cực đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, quý báu vào các vấn đề cấp thiết trong quá trình phát triển đất nước như xây dựng Chính phủ kiến tạo, đô thị thông minh, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo... Cộng đồng có nhiều hoạt động thiết thực nhằm quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc ra thế giới, thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với các nước và tổ chức.

Khi dịch Covid-19 bùng phát, mặc dù đời sống gặp nhiều khó khăn, nhưng kiều bào luôn đồng lòng, chia sẻ với đồng bào trong nước. Đến nay, kiều bào đã quyên góp hơn 60 tỷ đồng cùng nhiều trang thiết bị, vật phẩm y tế ủng hộ cho Quỹ vắc-xin và công tác phòng chống dịch ở trong nước. Nhiều kiều bào đã hợp tác với trong nước để chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm phòng chống dịch, nghiên cứu và thử nghiệm vắc-xin, dành cơ sở vật chất của mình tại Việt Nam cho địa phương làm nơi cách ly tập trung người nhiễm bệnh. Kiều bào ở nhiều nước đã tích cực phối hợp với các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (CQĐD) triển khai ngoại giao vắc-xin, vận động sở tại hỗ trợ vắc-xin, vật phẩm y tế cho Việt Nam.

3.5. Về việc giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Các cơ quan trong và ngoài nước đã đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ cộng đồng duy trì tiếng Việt và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc như hỗ trợ sách giáo khoa, tài liệu dạy và học tiếng Việt, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên kiều bào, vận động chính quyền sở tại đưa tiếng Việt vào chương trình giảng dạy của các trường phổ thông, đại học, cử các đoàn văn nghệ trong nước đi biểu diễn phục vụ kiều bào...

Từ năm 2013 đến nay, đã tổ chức 06 khóa tập huấn, bồi dưỡng cho 200 giáo viên kiều bào để trở thành nòng cốt trong phong trào dạy và học tiếng Việt của cộng đồng ở sở tại; từ năm 2016 đến nay, đã hỗ trợ lương cho 32 giáo viên người Việt tại Campuchia với tổng số tiền gần 10 tỷ đồng; hỗ trợ 15 dự án xây dựng trường tại Lào và Campuchia với tổng số tiền hơn 3,3 tỷ đồng; tính đến cuối tháng 6/2020, hơn 70.000 bộ sách tiếng Việt và nhiều loại văn hóa phẩm khác đã được chuyển tới các nước để phục vụ công tác dạy và học tiếng Việt.

Kết quả là, việc dạy và học tiếng Việt ngày càng được cộng đồng quan tâm, có sức lan tỏa rộng rãi ở nhiều địa bàn. Các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn được bà con gìn giữ và truyền lại cho thế hệ sau, qua đó tăng cường sự gắn kết giữa nhiều thế hệ kiều bào với cội nguồn dân tộc.

¹² Hiện mỗi năm có khoảng 300-500 lượt trí thức NVNONN về nước công tác thường xuyên.

3.6. Về công tác thông tin đối ngoại hướng tới NVNONN

Công tác thông tin đối với NVNONN được xác định là một nội dung quan trọng trong Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020. Các chương trình truyền hình dành cho kiều bào có nội dung ngày càng phong phú, nhiều báo viết và báo điện tử tiếng Việt có chuyên trang, chuyên mục về các vấn đề liên quan đến NVNONN và những vấn đề bà con quan tâm như tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, chủ quyền biển đảo, nhân quyền, tự do tôn giáo, tín ngưỡng... Các cổng, trang điện tử của Đảng, Chính phủ, Quốc hội, nhiều tỉnh, thành phố cũng đã có những thay đổi mạnh mẽ về nội dung và hình thức, trở thành những kênh thông tin quan trọng để kiều bào tìm hiểu, nắm bắt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với NVNONN, các hoạt động liên quan đến kiều bào cũng như tình hình đất nước. Các CQĐD thường xuyên cung cấp thông tin chính thống tới kiều bào qua website hoặc qua các bản tin định kỳ của CQĐD. Phương thức thông tin cho cộng đồng NVNONN được thực hiện đồng bộ, sâu rộng qua nhiều hình thức, nhiều loại ngôn ngữ, trong đó đã chú trọng việc phát triển nội dung trên nền tảng số để đồng bào ta trên toàn thế giới có thể dễ dàng tiếp cận mọi lúc, mọi nơi. Đáng chú ý, ngày càng nhiều phóng viên kiều bào về nước tác nghiệp, đưa tin, góp phần giúp cộng đồng nắm được những thông tin chính xác, khách quan về tình hình trong nước.

3.7. Về cơ chế phối hợp và tổ chức bộ máy làm công tác NVNONN

Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong nước, giữa các cơ quan trong nước với các CQĐD trong công tác NVNONN tiếp tục củng cố và hoàn thiện. Tổ chức bộ máy làm công tác này cũng được kiện toàn. Một số bộ và tỉnh, thành phố đã lập bộ phận giúp lãnh đạo hoặc cử cán bộ chuyên trách về công tác đối với NVNONN. Tất cả các CQĐD đều có bộ phận công tác cộng đồng và cán bộ chuyên trách làm công tác cộng đồng (tại các địa bàn có đông kiều bào) hoặc cử cán bộ kiêm nhiệm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác NVNONN còn một số hạn chế:

- Có nơi, có lúc công tác NVNONN chưa được các cơ quan, tổ chức quan tâm đúng mức. Ở một vài nơi, nhận thức của cấp ủy, chính quyền về vai trò và nguồn lực của NVNONN chưa thực sự sâu sắc dẫn đến việc triển khai thực hiện một số chính sách, quy định pháp luật liên quan đến NVNONN chưa đồng bộ, thống nhất, gây khó khăn, vướng mắc cho kiều bào.

- Công tác nắm tình hình cộng đồng, tham mưu, kiến nghị và phối hợp triển khai chủ trương, chính sách chưa sâu sát, chặt chẽ và kịp thời.

- Chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của đồng bào ta ở nước ngoài. Việc thu hút hiện nay mới chỉ tập trung một phần nguồn lực kinh tế, chưa phát huy hiệu quả nguồn lực tri thức và vai trò của kiều bào trong việc nâng cao hình ảnh của Việt Nam ở sở tại, cũng như tăng cường quan hệ giữa Việt Nam với các nước.

4. Sự cần thiết ban hành Kết luận số 12-KL/TW

Những biến chuyển của bối cảnh quốc tế, tình hình trong nước và tình hình cộng đồng NVNONN đòi hỏi phải điều chỉnh một số nhiệm vụ và giải pháp trong công tác NVNONN để phù hợp hơn với thực tiễn.

Sự phát triển của nền kinh tế tri thức và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ứng dụng rộng rãi của công nghệ thông tin vào tất cả các mặt của đời sống đặt ra yêu cầu đổi mới và đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ, vận động, thu hút nguồn lực của NVNONN. Ở trong nước, 05 năm tới là giai đoạn then chốt trong việc thực hiện các mục tiêu do Đại hội XIII của Đảng đề ra. Trong bối cảnh đó, cần huy động mọi nguồn lực, trong đó có nguồn lực của NVNONN nhằm hiện thực hóa khát vọng và tầm nhìn phát triển đất nước. Nghị quyết Đại hội Đảng XIII nhấn mạnh việc “phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người VN, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học NVNONN”, “xây dựng, triển khai các chương trình cụ thể để thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người nước ngoài và NVNONN”.

Trong khi đó, cộng đồng NVNONN ngày càng lớn mạnh về số lượng và mở rộng hơn về địa bàn. Đại bộ phận đồng bào đã có địa vị pháp lý và cuộc sống ổn định, hội nhập sâu rộng vào xã hội sở tại. Đồng bào luôn hướng về quê hương, là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nguồn lực quan trọng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, cộng đồng đang phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức. Điều này đòi hỏi tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác NVNONN để hỗ trợ xây dựng cộng đồng đoàn kết, phát triển, hội nhập ở sở tại và luôn hướng về quê hương.

Trước bối cảnh, yêu cầu, nhiệm vụ nêu trên, nhằm phát huy những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế, ngày 12/8/2021, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận 12.

5. Ý nghĩa của việc ban hành Kết luận số 12-KL/TW

Việc Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 12-KL/TW có nhiều ý nghĩa quan trọng:

- *Tiếp tục khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán và đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về củng cố vững chắc đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó cộng đồng NVNONN là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam; tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân ở trong nước cũng như kiều bào ta ở nước ngoài nhằm phát huy mạnh mẽ sức mạnh toàn dân tộc cho phát triển đất nước.*

- *Góp phần thúc đẩy thực hiện công tác NVNONN toàn diện và mạnh mẽ hơn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45 của Bộ Chính trị, trong đó tập trung hỗ trợ NVNONN có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển và hội nhập xã hội sở tại, giúp kiều bào tiếp tục nâng cao tự hào, tự tôn dân tộc và*

hướng về cội nguồn, đồng thời có chính sách phù hợp để đồng bào đóng góp hiệu quả vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- *Tiếp tục thể hiện rõ tình cảm và trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong việc chăm lo cho cộng đồng NVNONN*; đáp ứng nguyện vọng chính đáng của đồng bào, từ đó động viên, khích lệ đồng bào ta tiếp tục nỗ lực vươn lên, khơi dậy tiềm năng, phát huy nguồn lực to lớn và tinh thần yêu nước hướng về quê hương.

6. Một số điểm mới, đáng chú ý trong Kết luận số 12-KL/TW

Về quan điểm chỉ đạo, Bộ Chính trị yêu cầu tiếp tục thực hiện tốt và hiệu quả hơn Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45 về công tác đối với NVNONN, đồng thời nhấn mạnh: việc thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trong tình hình mới phải thể hiện rõ hơn tình cảm và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước trong việc chăm lo cho cộng đồng NVNONN, đồng thời tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện để đồng bào hướng về quê hương.

Trên cơ sở đó, Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị đề ra 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó, có một số điểm mới/đáng chú ý như sau:

- *Về công tác đại đoàn kết*

+ Bên cạnh khẳng định việc tiếp tục nâng cao nhận thức, Kết luận nhấn mạnh hơn ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc đối với NVNONN.

+ Nhấn mạnh việc vận động hướng tới đối tượng kiều bào trẻ, đồng thời tiếp tục coi trọng, quan tâm hỗ trợ và phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt, những người có uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng.

+ Đối với những kiều bào còn định kiến, trên cơ sở kế thừa những quan điểm nêu trong Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45, Kết luận 12 nhấn mạnh việc kiên trì vận động để giúp kiều bào củng cố niềm tin, nhận thức và hành động phù hợp với lợi ích quốc gia – dân tộc.

- *Về việc hỗ trợ NVNONN có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống ở sở tại*

+ Yêu cầu triển khai các biện pháp tổng thể chăm lo, hỗ trợ đồng bào ta, nhất là ở những địa bàn khó khăn. Điều này thể hiện rõ hơn tình cảm và trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong việc chăm lo cho cộng đồng NVNONN.

+ Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh...; xử lý triệt để, đẩy lùi tình trạng người Việt Nam vi phạm pháp luật sở tại.

- *Về việc phát huy nguồn lực của NVNONN*

Khuyến khích và tạo điều kiện để đồng bào Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những giải pháp trọng tâm được đưa ra gồm: tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành

chính và triển khai đồng bộ các chính sách liên quan đến NVNONN về nước làm việc, thường trú, đầu tư, sản xuất, kinh doanh... Giải quyết nhu cầu chính đáng của kiều bào ta liên quan đến quốc tịch phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật và tinh thần của Nghị quyết 36. Hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý, phản hồi, vận dụng và phát huy hiệu quả các sáng kiến, ý kiến đóng góp của trí thức, chuyên gia và doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài.

- Về việc giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm: hợp tác với nước sở tại, đổi mới, nâng cao hiệu quả, phương thức tổ chức dạy và học tiếng Việt; thúc đẩy đưa tiếng Việt vào chương trình giảng dạy ở các cơ sở giáo dục tại các địa bàn có đông người Việt Nam sinh sống; nghiên cứu đầu tư, xây dựng trung tâm văn hóa của người Việt tại các địa bàn này; nghiên cứu lựa chọn Ngày Tôn vinh tiếng Việt hằng năm.

- Về công tác thông tin đối ngoại hướng tới NVNONN

Nhấn mạnh việc đổi mới nội dung, phương thức và tư duy về công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại. Những nhiệm vụ trọng tâm gồm: kịp thời thông tin về tình hình đất nước và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến cộng đồng NVNONN; phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông đa dạng của cộng đồng; hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp, phản ứng nhanh, kịp thời phản bác những luận điệu sai trái, không đúng sự thật về tình hình đất nước.

- Về cơ chế phối hợp và tổ chức bộ máy làm công tác NVNONN

Một số nhiệm vụ trọng tâm gồm: hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng tham gia công tác NVNONN; kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác NVNONN; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác NVNONN, trong đó chú trọng các bộ phận làm việc trực tiếp ở nước sở tại theo hướng sâu sát, thực chất, hiệu quả, kịp thời đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cộng đồng NVNONN. Ngăn chặn và phòng ngừa việc lợi dụng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với công tác NVNONN để trục lợi, chống phá đất nước, ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích quốc gia – dân tộc./.